

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/10/2018

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Nhị Hồng

* Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Dur

2. Ông Nguyễn Đại Hải

* Thư ký ghi biên bản: Bà Chu Thị Huân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự::

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V - sinh năm: 1979

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Trương Văn K - sinh năm: 1973

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Văn K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1997, được ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C (nay là thành phố C) tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228 ngày 11/11/1997.

Quá trình chung sống, ông bà hạnh phúc được một thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K rất nhiều lần phản bội lại bà, quan hệ ngoại tình với những người phụ nữ khác. Bà và gia đình hai bên đã khuyên giải ông K nhiều lần nhưng ông K vẫn chứng nào tật nấy. Mấy tháng nay, ông Kiềm đã bỏ ra ngoài chung sống công khai với người phụ nữ khác. Bà đã quá mệt mỏi và không thể tha thứ cho ông K được nữa nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà và ông Trương Văn K có 02 con chung là Trương Văn A sinh ngày 12/3/1998 và Trương Thị Thanh H sinh ngày 21/4/2001. Cháu A đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu H và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Trương Văn K không có nợ chung.

* Ông Trương Văn K đã được tổng đạt hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các đương sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm; việc chấp hành pháp luật của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đã giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục); chứng minh nhân dân Nguyễn Thị V (bản sao); Giấy khai sinh Trương Văn A, Trương Thị Thanh H (bản trích lục); Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trương Văn K (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị V xin ly hôn ông Trương Văn K. Yêu cầu của bà V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trương Văn K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị V và ông Trương Văn K tự nguyện kết hôn vào năm 1997, được ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C (nay là thành phố C) tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228 ngày 11/11/1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K không yêu thương và chung thủy với bà. Ông Trương Văn K cố tình vắng mặt thể hiện không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn ông Trương Văn K là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị V và ông Trương Văn K có 02 con chung là Trương Văn A sinh ngày 12/3/1998 và Trương Thị Thanh H sinh ngày 21/4/2001. Cháu Trương Văn A đã đủ 18 tuổi nên bà V không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy: Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con. Cháu H là con gái và có nguyện vọng được sống cùng mẹ, lâu nay vẫn do bà Vân nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, yêu cầu của Bà V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là có cơ sở, phù hợp với quy định điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị V về việc không yêu cầu ông Trương Văn K cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82, Điều 84 Luật hôn

nhân gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Trương Văn K.

[2]. **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Trương Thị Thanh H sinh ngày 21/4/2001.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị V về việc không yêu cầu ông Trương Văn K phải cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[4]. **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012346 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Trương Văn K có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C;
- CCTHCDS TP. C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Ngô Nhị Hồng